|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH TUYÊN QUANG**  Số: /2025/QĐ-UBND | **CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025* |

**Ư[[**

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số …/TTr-SCT ngày … tháng ... năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tạiĐiều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

2. Những nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2024/NĐ-CP)* và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp *(gọi tắt là Chủ đầu tư)*;

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp;

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan tới quản lý, đầu tư và hoạt động của cụm công nghiệp.

**Điều 3. Quy định các nội dung về quản lý, phát triển cụm công nghiệp tại Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP:**

1. Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

Cụm công nghiệp là nơi sản xuất công nghiệp, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, được đầu tư xây dựng chủ yếu nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất kinh doanh.

Cụm công nghiệp có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 10 ha. Riêng đối với cụm công nghiệp ở các xã miền núi và cụm công nghiệp làng nghề có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 05 ha.

2. Điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển các cụm công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch; dự báo nhu cầu mặt bằng của các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các cụm công nghiệp, khả năng quỹ đất phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã, phường (sau đây gọi tắt là cấp xã), cấp tỉnh; dự báo nhu cầu lao động làm việc tại các cụm công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch.

3. Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

Có sự điều chỉnh quỹ đất dành cho phát triển cụm công nghiệp để đáp ứng nhu cầu thuê đất đầu tư sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân và phù hợp với hiệu quả đầu tư xây dựng hạ tầng, khả năng cho thuê của các cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã.

4. Điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

Có trong Danh mục các cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Trường hợp cụm công nghiệp nằm trong quy hoạch tỉnh của tỉnh trước sáp nhập thì quy hoạch tỉnh đó là cơ sở về sự phù hợp của cụm công nghiệp đó; có quỹ đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp xã; trường hợp cấp xã chưa lập quy hoạch sử dụng đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

5. Điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

Trong trường hợp địa bàn cấp xã đã thành lập cụm công nghiệp thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp không vượt quá 100 ha.

Trường hợp cụm công nghiệp đã thành lập nằm trên hai (02) đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp không vượt quá 100 ha được tính đối với phần diện tích trên từng địa bàn cấp xã, theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

6. Điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

Tổng diện tích cụm công nghiệp sau khi mở rộng không vượt quá 75 ha; có quỹ đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp xã; trường hợp xã chưa lập quy hoạch sử dụng đất thì thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

7. Điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

Tờ trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp cụm công nghiệp nằm trên từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên, ngay sau khi nhận được văn bản đầu tiên của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một Ủy ban nhân dân cấp xã trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã còn lại có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

8. Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được 01 bộ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp kèm báo cáo thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp được gửi Bộ Công Thương 01 bản.

Trường hợp cụm công nghiệp có điều chỉnh về tên gọi, vị trí thay đổi trong địa giới hành chính cấp xã, diện tích tăng không quá 05 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp xã và các quy hoạch khác trên địa bàn thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tại Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đồng thời cập nhật nội dung thay đổi để báo cáo cấp có thẩm quyền tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh tiếp theo.

9. Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định giao tiếp nhận, kế thừa việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp do nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định cho Chủ đầu tư; căn cứ các quy định của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng, chủ đầu tư có tờ trình kèm báo cáo điều chỉnh đề nghị Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, giao chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; thực hiện quản lý các dịch vụ công, tiện ích, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Công Thương là cơ quan quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quyết đinh này; tổng hợp, báo cáo kết quả gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc Quyết định này; căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi bổ sung, điều chỉnh Quyết định, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có ý kiến gửi về qua Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung, thay thế**

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu thực hiện tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1.Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2.Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** |  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |
| - Văn phòng Chính phủ; |  |
| - Bộ Công Thương; |  |
| - TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; | |
| - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; | |
| - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; | |
| - Ủy ban MTTQVN; | |
| - Như Điều 12; | |
| - UBND xã, phường; | |
| - VP UBND tỉnh; | |
| - Cổng thông tin điện tử tỉnh; | |
| - Lưu: VT, (). | |